

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 253/2024/DS-PT

Ngày: 10/5/2024

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng
đất và bồi thường thiệt hại về tài
sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em.

Ông Nguyễn Thanh Triều.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Ngọc Thư Trúc,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 07 và 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh
Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2024/TLPT-
DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất và bồi
thường thiệt hại về tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 265/2023/DSST, ngày 29/9/2023 của Tòa án
nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2024/QĐ-PT ngày
28/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Văn T, sinh năm 1971; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Đỗ Văn T1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của anh T1:

Đỗ Tấn N, sinh năm 1975; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đỗ Văn B, sinh năm 1949;

Đỗ Văn P, sinh năm 1980.

Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978.

Đỗ Tấn N, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đỗ Thị Trường A, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đỗ Thị Trường H1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Đỗ Văn B, Đỗ Văn P, Nguyễn Thị Thu H, Đỗ Thị Trường A, Đỗ Thị Trường H1:

Đỗ Tấn N, sinh năm 1975; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**. Người kháng cáo: Nguyên đơn Trần Văn T.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Theo án sơ thẩm, nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày:* Ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 874, diện tích 3.235m²; Thửa 875, diện tích 2.731m² tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/7/1997. Thửa đất của ông giáp ranh với đất của anh Đỗ Văn T1 tại thửa 448, diện tích 1.747m² với chiều dài tiếp giáp là 46,96m. Trong quá trình canh tác anh T1 đã lấn chiếm phần đất của ông có chiều ngang một đầu khoảng 2,3m, một đầu khoảng 2,33m, chiều dài 46,96m, diện tích lấn chiếm khoảng 134,9m².

Nay, ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu anh Đỗ Văn T1 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 26,2m² theo bản đồ địa chính khu đất (trích đo) ngày 06/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện C.

Ngày 21/3/2017, anh Đỗ Tấn N đã có hành vi xô ngã 01 trụ xi măng của ông, ông đã làm đơn gửi chính quyền ấp M giải quyết nhưng không thành. Ông tiếp tục gửi đơn lên Ủy ban nhân dân xã M yêu cầu giải quyết. Ngày 08/4/2017, ông phát hiện có thêm 03 trụ xi măng bị gãy. Ngày 27/9/2019, tại Ủy ban nhân dân xã M, ông Đỗ Văn B thừa nhận đã xô ngã 03 trụ xi măng nhưng ông không đồng ý vì ông B không thể làm gãy 03 trụ xi măng được. Nay, ông yêu cầu anh Đỗ Tấn N bồi thường thiệt hại tài sản là 04 trụ xi măng do anh N xô ngã với số tiền 2.576.000 đồng và tiền công di dời 04 trụ xi măng là 640.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Đỗ Văn T1 là anh Đỗ Tấn N trình bày:

Anh Đỗ Văn T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 448, diện tích 1.747m² giáp ranh với đất ông Trần Văn T. Nguồn gốc đất là của cha, mẹ ông Thừa tặng cho quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất anh không có lấn chiếm đất của ông T vì phần đất ông T do ông T tự rào. Trong trường hợp, khi đo đạc có chỉ ranh lấn sang phần đất của ông Trần Văn T thì anh Đỗ Văn T1 đồng ý trả lại phần đất lấn chiếm.

Tuy nhiên, anh không đồng ý trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 26,2m² theo bản đồ địa chính khu đất (trích đo) ngày 06/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện C vì khi khởi kiện vụ án đến nay, ông Trần Văn T đã yêu cầu đo vẽ nhiều lần nhưng ông T không đồng ý với kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện C. Kết quả đo đạc mỗi lần cho kết quả khác nhau là do sự chỉ ranh của ông Trần Văn T. Nay, anh yêu cầu Tòa án xét xử theo bản đồ địa chính khu đất (trích đo) lần sau cùng là ngày 14/3/2022.

Đối với 04 trụ xi măng ông Trần Văn T yêu cầu bồi thường do anh xô ngã, anh có ý kiến: Vào ngày ông Trần Văn T làm hàng rào, anh đi làm, chiều về nhà anh thấy ông T kéo rào lưới B40, anh có xô ngã 01 trụ xi măng và anh có điện thoại cho ông Đỗ Văn B lên xem. Ông Đỗ Văn B có xô ngã 02 trụ xi măng đầu dưới, anh xô ngã 02 trụ xi măng đầu trên. Thời điểm đó, 04 trụ xi măng mới cắm. Anh và ông B xô nghiêng qua, không ngã. Từ ngày xảy ra vụ việc đến nay đã trên 04 năm nên trụ xi măng bị gãy do để dưới nước quá lâu đến khi thẩm định kéo lên thì 03 trụ này đã bị gãy. Thời điểm xảy ra vụ việc thì 04 trụ xi măng nằm trên đất của anh Đỗ Văn T1 nên anh không đồng ý bồi thường. Đối với phần tiền công di dời 04 trụ xi măng từ dưới nước lên là 640.000 đồng, anh không đồng ý bồi thường vì ông T cho rằng anh làm gãy 04 trụ xi măng này thì ông T phải có nghĩa vụ nhỏ 04 trụ xi măng này lên để thẩm định tài sản.

Bản án dân sự sơ thẩm số 265/2023/DSST, ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 175, khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Buộc anh Đỗ Văn T1 trả lại cho ông Trần Văn T phần đất tại vị trí số 2, diện tích 21,9m² thuộc thửa 262, tờ bản đồ số 09 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo bản đồ địa chính khu đất (trích đo) ngày 14/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện C. Đất có tứ cận: Phía bắc giáp đất ông Trần Văn T; Phía nam giáp đất anh Đỗ Văn T1; Phía tây giáp đất ông Trần Văn T; Phía đông giáp đất ông Trần Văn T, anh Đỗ Văn T1. (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Buộc anh Đỗ Tấn N có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Trần Văn T số tiền 1.932.000 đồng (theo biên bản định giá ngày 12/5/2021 của Hội đồng định giá huyện C), khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T buộc anh Đỗ Tấn N hoàn trả tiền nhân công di dời 04 trụ xi măng là 640.000 đồng.

Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T đã tạm nộp số tiền tạm ứng án phí là 900.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15320 ngày 06 tháng 3 năm 2018, số 0005019 ngày 05 tháng 02 năm 2020 và số 0017057 ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Nên hoàn lại cho ông Trần Văn T số tiền 600.000 đồng.

Anh Đỗ Văn T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Tấn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Anh Đỗ Văn T1 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trần Văn T số tiền 5.472.000 đồng.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 09/10/2023, nguyên đơn Trần Văn T kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Trần Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản” được quy định tại Điều 170 và Điều 175 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 2, 6 Điều 26 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo của những người kháng cáo và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm thì những người kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét yêu cầu của ông Trần Văn T yêu cầu anh Đỗ Văn T1 trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 26,2m² theo Bản đồ địa chính khu đất ngày 06/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện C.

[2.1.1]. Nguồn gốc thửa đất 875 (tương ứng với thửa 262) hiện tại ông Trần Văn T đang quản lý sử dụng:

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01638QSDĐ/106, ngày 11/7/1997, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Văn T thì ông T được quyền sử dụng hai thửa đất gồm: Thửa 874, diện tích 3.235m²; Thửa 875, diện tích 2.731m², tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ tài liệu đo đạc 301 thì thửa 262, tờ bản đồ số 09 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang tương ứng tài liệu 299 là thửa 875, 876 và 877. Trong đó, thửa 876 có diện tích 50m² (đất gò), thửa 877, diện tích 150m² (đất nghĩa địa) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn T;

Căn cứ vào sơ đồ địa chính khu đất ngày 14/3/2022, thì thửa đất 875 (tương ứng thửa 262) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có diện tích 2.731m² nhưng đo đạc thực tế là 4.383,3m², nên thửa đất 875 tăng diện tích 1.652,3m²;

Thửa 875 mà ông T đang quản lý sử dụng thì chưa được cấp đổi theo tài liệu chính quy nên chưa xác định được hình thể thửa đất 875 (thửa 262) của ông Trần Văn T;

Căn cứ vào sơ đồ địa chính khu đất ngày 14/3/2022, thì thửa đất 875 (thửa 262), cạnh đất phía Nam giáp ranh với nhiều thửa đất khác, trong đó có một đoạn 46,96m giáp ranh với đất anh Đỗ Văn T1 và đoạn này ông T cho rằng anh T1 đã lấn chiếm đất của ông nên phát sinh tranh chấp.

[2.1.2]. Nguồn gốc thửa đất 448 (tương ứng thửa đất 268) hiện tại anh Đỗ Văn T1 đang quản lý, sử dụng:

Căn cứ vào hồ sơ trích lục thửa đất 488 thì thửa đất 488 có nguồn gốc từ ông Đỗ Văn B chuyển nhượng cho anh Đỗ Văn T1 vào ngày 07/5/2000 và anh Đỗ Văn T1 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/10/2000, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02671QSDĐ/167 cho hộ anh Đỗ Văn T1;

Phần đất ông Trần Văn T tranh chấp với anh Đỗ Văn T1 theo tài liệu 301 có số thửa 268, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.862m², loại đất ở nông thôn + cây lâu năm;

Anh Đỗ Văn T1 đã được cấp đổi theo tài liệu chính quy tương ứng tài liệu 299 là thửa 448 và một phần thửa 886 do ông Đỗ Văn B chuyển nhượng cho anh Đỗ Văn T1;

Thửa 268, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.862m² của anh Đỗ Văn T1 được cấp đổi đã có hình thể và xác định được phần đất phía Bắc giáp với đất ông Trần Văn T có cạnh 46,96m;

Căn cứ vào bản đồ địa chính khu đất ngày 14/3/2022, phần đất anh Đỗ Văn T1 chỉ ranh có lấn qua phần đất ông Trần Văn T tại vị trí số 2, diện tích 21,9m², anh Đỗ Văn T1 đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Văn T1 cũng trình bày nếu quá trình đo đạc các bên đương sự chỉ ranh mà anh T1 sử dụng đất có lấn ranh đất ông T thì anh T1 đồng ý trả lại;

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T buộc anh Đỗ Văn T1 trả lại ông Trần Văn T phần đất tại vị trí số 2, diện tích 21,9m², thửa 262, tờ bản đồ số 09 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang là phù hợp.

Vì thế yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T yêu cầu phải trả diện tích 26,2m² theo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/02/2018 là không có cơ sở nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông T.

[2.2]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T buộc anh Đỗ Văn T1 phải bồi thường thiệt hại tài sản là 04 trụ xi măng với số tiền 2.576.000 đồng;

Căn cứ vào lời thừa nhận của anh Đỗ Văn T1 thì anh N có làm gãy 02 trụ xi măng, ông Đỗ Văn B làm gãy 02 trụ xi măng nhưng nếu 04 trụ xi măng này nằm trên phần đất ông T thì anh tự nguyện bồi thường giá trị 04 trụ xi măng.

Căn cứ vào bản thẩm định tại chỗ ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thì có cơ sở xác định có 03 trụ xi măng bị gãy và 01 trụ xi măng gãy nứt, nằm dưới con mương không còn sử dụng được;

Do đó, ông Trần Văn T yêu cầu buộc anh Đỗ Tấn N có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Trần Văn T 04 trụ xi măng là có cơ sở, trị giá của 04 trụ xi măng được tính như sau: 184.000 đồng/m x (3,5m/trụ x 4 trụ) thành tiền 2.576.000 đồng theo biên bản định giá ngày 12/5/2021;

Do đó yêu cầu kháng cáo của ông T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T về phần này.

[2.3]. Xét yêu cầu của ông Trần Văn T buộc anh Đỗ Tấn N hoàn trả tiền nhân công di dời 04 trụ xi măng là 640.000 đồng;

Việc dựng lại 04 trụ xi măng bị hư hại thì phải mất ngày công để ông T dựng lại các trụ bê tông, theo ngày công lao động tại địa phương là 450.000 đồng/01ngày, do đó yêu cầu này của ông T có một phần cơ sở nên chấp nhận một phần yêu cầu này của ông T và cần phải buộc anh Đỗ Tấn N hoàn trả số tiền 450.000 đồng.

[3]. Xét kháng cáo của ông Trần Văn T yêu cầu chấp nhận bản vẽ ngày 06/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện C để xét xử vụ án;

Ông Trần Văn T đã nhiều lần yêu cầu cho đo vẽ phần diện tích đất tranh chấp và kết quả mỗi lần đo đạc cho ra diện tích tranh chấp khác nhau do sự chỉ ranh của đương sự. Đồng thời, ông T cũng thừa nhận bản vẽ ngày 06/02/2018 có sự sai sót về chiều dài cạnh phía Đông.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông T là có cơ sở nên kháng cáo này của ông T không được chấp nhận.

[4]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông T về chi phí tố tụng:

Ông T đã nộp số tiền 10.943.730 đồng đối với chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản, đây là chi phí để Hội đồng định giá phục vụ cho công tác giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại các điều 155, 157, 164 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông T được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Đỗ Tấn N phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trần Văn T ½ chi phí tố tụng với số tiền 5.742.000 đồng là phù hợp;

Vì thế Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về phần chi phí tố tụng của ông T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông T theo quy định.

[6]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Áp dụng Điều 170, Điều 175, Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai;

Áp dụng vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 265/2023/DSST, ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Buộc anh Đỗ Văn T1 trả lại cho ông Trần Văn T phần đất tại vị trí số 2, diện tích 21,9m² thuộc thửa 262, tờ bản đồ số 09 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo bản đồ địa chính khu đất (trích đo) ngày 14/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện C. Đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất ông Trần Văn T; Phía Nam giáp đất anh Đỗ Văn T1; Phía Tây giáp đất ông Trần Văn T; Phía Đông giáp đất ông Trần Văn T, anh Đỗ Văn T1 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Buộc anh Đỗ Tấn N có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Trần Văn T số tiền 2.576.000 đồng và tiền công cầm lại trụ xi măng 450.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T đã tạm nộp số tiền tạm ứng án phí là 900.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15320 ngày 06 tháng 3 năm 2018, số 0005019 ngày 05/02/2020 và số 0017057 ngày 23/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Nên trả lại cho ông Trần Văn T số tiền 600.000 đồng.

Anh Đỗ Văn T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Tấn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Anh Đỗ Văn T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Văn T số tiền 5.472.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên trả lại ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018038 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Tuyên án vào lúc 08 giờ ngày 10/5/2024, có mặt ông T, anh N.

***. Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- THADS huyện Cai Lậy;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Vĩnh Hữu